

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 58/2023/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 051/2023/ĐKSP

METACARE OPTI 0+

Năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 051/2023/ĐKSP

Ban Quản lý An toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Metacare Opti 0+**

do Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam sản xuất phù hợp với:

- QCVN 11-1:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 58/2023/TCSP-NUTRI

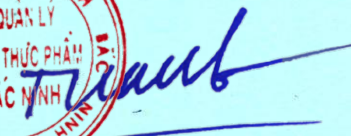
Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. 

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN




Nguyễn Văn Thanh

Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Email: banan@bnnh.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Bắc Ninh
Ngày ký: 31-10-2023 09:02:26 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 58/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 02466833368

E-mail: nutricare82@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 0+

2. Thành phần:

Bột sữa (Lactose, Béo thực vật, Whey protein, Bột sữa nguyên kem, Bột sữa gầy, Cholin, Taurin, L-carnitin, Inositol), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Sữa Non Colos 24h, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Nucleotit, ARA, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Vitamin K2 (MK7).

Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE



Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn sản phẩm số: 58/2023/TCSP-NUTRI

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột In 100g	Trong 100 ml pha chuẩn In 100ml
Năng lượng/Energy	kcal	502	69.3
Dam/Protein	g	12.0	1.66
Lysine	mg	915	126
Leucine/Iscutric	mg	1156	160
Isoleucine/Isoleucine	mg	701	96.7
Valine/Valine	mg	786	108
Arginine/Arginine	mg	334	46.1
Histidine/Histidine	mg	245	33.8
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	393	54.2
Tyrosine/Tyrosine	mg	252	34.8
Threonine/Threonine	mg	607	83.8
Methionine/Methionine	mg	225	31.1
Tryptophan/Tryptophan	mg	926	128
Cystine/Cystine	mg	172	23.7
Aspartic acid/Aspartic acid	mg	2000	304
Asparagine/Asparagine	mg	997	138
Glycine/Glycine	mg	183	25.3
Alanine/Alanine	mg	514	70.9
Proline/Proline	mg	824	114
Serine/Serine	mg	616	85.0
Cholesterol/Lipid	g	25.4	3.50
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	361	49.9
LA (Linoleic acid)	mg	2075	411
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	17.0	2.35
ARA (Arachidonic acid)	mg	18.0	2.48
Carbohydrate tổng/TOTAL carbohydrate	g	58.0	8.00
Chức năng hóa tan (FOS/Inulin)	g	2.40	0.33
Prebiotics (FOS/Inulin)	mg	100	13.8
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	20.0	2.76
Nucleotides/Nucleotides	mg	20.0	2.76
Inositol	mg	48.4	6.68
L-Carnitine/L-Carnitine	mg	10.6	1.46
Taurine/Taurine	mg	25.3	3.49
Choline/Choline	mg	74.2	10.2
HMO (Fucosyllactose (2'-FL))	mg	145	20.0
Lactulose/Lactulose	100g	21.3 x 10 ³	4.32 x 10 ³
Lactobacillus	100g	28.8 x 10 ³	3.97 x 10 ³
L. fermentum và L. delbrueckii	100g	2.52 x 10 ³	0.35 x 10 ³
Vitamin A	IU	1600	221
Vitamin D3	IU	360	49.7
Vitamin E	IU	10.9	1.50
Vitamin K1	µg	38.2	5.27
Vitamin K2	µg	16.0	2.21
Vitamin B1	µg	68.9	12.3
Vitamin B2	µg	614	84.7
Niacin	µg	2976	411
Asit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2354	325
Vitamin B6	µg	551	76.0
Asit folic/Folic acid	µg	62.6	8.64
Vitamin B12	µg	1.71	0.24
Biotin	µg	18.3	2.53
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	161	22.2
Kali/Potassium	mg	492	67.9
Canxi/Calcium	mg	343	47.3
Phốt pho/Phosphorus	mg	510	70.4
Maghi/Magnesium	mg	360	49.7
Sắt/Iron	mg	64.8	8.94
Kẽm/Zinc	mg	8.59	1.19
Mangan/Manganese	mg	4.60	0.91
Đồng/Copper	mg	171	15.3
I-đốt/Iodine	µg	65.0	8.94
Selen/Selenium	µg	68.6	9.47
	µg	9.00	1.24

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa (Lactose, Béo thực vật, Whey protein, Bột sữa nguyên kem, Bột sữa gầy, Cholin, Taurin, L-carnitin, Inositol), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phyloquinone, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Nicotinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridazin hydrochlorid, Asit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricamsi phosphat, Magie oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Sữa Non Colos 24h, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Nucleotit, ARA, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Vitamin K2 (MK7). Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

Milk powder (Lactose, Vegetable fat, Whey protein, Whole milk powder, Skim milk powder, Choline, Taurine, L-carnitine, Inositol), Maltodextrin, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, D-alpha-tocopheryl acetate, Phyloquinone, Sodium L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Calcium D-pantothenate, Pyridazine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Tricalcium phosphate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite), Premix of Calcium and Minerals from milk, Colostrum Colos 24h, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Nucleotides, ARA, DHA from fish oil, Postbiotic (Lactococcus lactis, Lactobacillus fermentum and Lactobacillus delbrueckii), Vitamin K2 (MK7). Product contains Milk, Fish oil.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dành cho trẻ từ 0 – 12 tháng tuổi./for infants from 0 – 12 months of age.

CÔNG DỤNG/FEATURES:

Metacare Opti 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

Metacare Opti 0+ complements the diet of infants who receive a low amount of breastmilk, provides complete nutrients that are suitable for the physiology of age and the digestive system of children.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/HOW TO USE:

Tuổi của trẻ Age	Lượng nước ấm Warm water (ml)	Số muỗng gạt Level scoops	Số lần ăn trên ngày Servings per day
0 - 2 tuần/0 - 2 weeks	60	2	6 - 8
2 tuần - 3 tháng/2 weeks - 3 months	120	4	5 - 7
3 tháng - 9 tháng/3 - 9 months	180	6	4 - 5
9 tháng - 12 tháng/9 - 12 months	240	8	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 4.6 g Metacare Opti 0+./1 scoop is approximately 4.6 g Metacare Opti 0+.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
 - 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
 - 4) Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng Metacare Opti 0+ vào theo bảng hướng dẫn./Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of Metacare Opti 0+ following the instruction table.
 - 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Finish using Metacare Opti 0+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

100 ml pha chuẩn = 13.8 g bột + 90 ml nước



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

metaCare

TIÊU HÓA KHỎE TĂNG CÂN, CAO LỚN



VỊ NHẬT THANH

Khối lượng tịnh
Net.wt 800 g
*Postbiotic

Dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi
Sản phẩm dinh dưỡng công thức



60 ĐƯỜNG CHẤT

METACARE OPTI 0+

Metacare Opti 0+ được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ bổ sung 30 tỷ Lợi khuẩn*, HMO, Chất xơ, Sữa Non Colos 24h cùng 60 đường chất giúp tiêu hóa khỏe, bé tăng cân, cao lớn.



TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỂ KHÁNG

30 tỷ Lợi khuẩn* (Hệ Lợi khuẩn Postbiotic L. Lactis và Postbiotic Biome) ức chế sự phát triển của vi khuẩn có hại, tăng cường hệ miễn dịch tự nhiên cùng RMO kết hợp với Chất xơ giúp tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng vi sinh đường ruột. Cùng Sữa Non Colos 24h từ Mỹ giúp tăng cường sức đề kháng.



PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Đáp ứng 100% nhu cầu Canxi** theo nghiên cứu của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Vitamin K2, D3 hỗ trợ hấp thu Canxi, giúp xương chắc khỏe, phát triển chiều cao vượt trội.



TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

60 đường chất với công thức giàu năng lượng gồm Đạm Whey dễ hấp thu, Vitamin nhóm B** đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cùng Kẽm tăng cường chuyển hóa năng lượng và Lysin giúp bé ăn ngon miệng, tăng cân khỏe mạnh, bất kịp đà tăng trưởng.

PHÁT TRIỂN TRÍ NHỚ, THỊ GIÁC

DHA, Cholin giúp bé phát triển não bộ cùng Acid folic giúp tăng khả năng ghi nhớ, học hỏi. Taurin hỗ trợ bảo vệ thị giác.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hoặc vại sinh. Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

*Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, Lợi khuẩn *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*)

100 triệu trong 120 giọt Metacare Opti 0+.

** Trong 120 giọt Metacare Opti 0+ đáp ứng 100% nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng cho trẻ từ 2 tuần – 12 tháng tuổi.

(1) Nguyên liệu Sữa Non Colos 24h nhập khẩu từ Mỹ.

Chịu trách nhiệm sản phẩm bởi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPĐD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024.56.833.368

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lê Văn 2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thuận Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP.

Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

Số TNDKSP:

NSX và HSD: Xem trên bao bì.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.



Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 58/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 024 66833368 Fax: 0437858999
E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Metacare Opti 0+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa (Lactose, Béo thực vật, Whey protein, Bột sữa nguyên kem, Bột sữa gầy, Cholin, Taurin, L-carnitin, Inositol), Maltodextrin, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Tricanxi phosphat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, Sữa Non Colos 24h, HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Nucleotit, ARA, DHA từ dầu cá, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis*, *Lactobacillus fermentum* và *Lactobacillus delbrueckii*), Vitamin K2 (MK7).

Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

4.1. Các chỉ tiêu dinh dưỡng theo QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi

Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy chuẩn
----------	--------	-----------

		Tối thiểu	Tối đa
1.Năng lượng			
Năng lượng	kcal/100ml	60	70
2. Thành phần dinh dưỡng			
Protein	g/100kcal	1.8	3
Chất béo	g/100kcal	4.4	6
Carbohydrate	g/100kcal	9	14
Hàm lượng Acid Linoleic	g/100kcal	300	-
Hàm lượng Acid Alpha-Linolenic	g/100kcal	50	-
Tỷ lệ LA/ALA		5:1	15:1
Vitamin A	mcg/100kcal	60	180
Vitamin D3	mcg/100kcal	1	2.5
Vitamin E	mg/100kcal	0.5	-
Vitamin K	mcg/100kcal	4	-
Vitamin B1 (Thiamin)	mcg/100kcal	60	-
Vitamin B2 (Riboflavin)	mcg/100kcal	80	-
Niacin	mcg/100kcal	300	-
Vitamin B6	mcg/100kcal	35	-
Vitamin B12	mcg/100kcal	0.1	-
Acid pantothenic	mcg/100kcal	400	-
Acid Folic	mcg/100kcal	10	-
Vitamin C	mg/100kcal	10	-
Vitamin H (Biotin)	mcg/100kcal	1.5	-
Sắt	mg/100kcal	0.45	0
Canxi	mg/100kcal	50	-

Phospho	mg/100kcal	25	-
Tỷ lệ Calci/Phospho	*	1:1	2:1
Magie	mg/100kcal	5	-
Natri	mg/100kcal	20	60
Clorid	mg/100kcal	50	160
Kali	mg/100kcal	60	180
Mangan	mg/100kcal	1	-
Iod	mcg/100kcal	10	-
Selen	mcg/100kcal	1	-
Đồng	mcg/100kcal	35	120
Kẽm	mg/100kcal	0.5	-
Cholin	mg/100kcal	7	-
Myo-Inositol	mg/100kcal	4	40
L-Carnitine	mg/100kcal	1.2	-
Taurine	mg/100kcal	-	12
Acid docosaheaxaenoic	%Axit béo	-	0.5
Flo	mcg/100kcal	-	100

4.2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng khác

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
Whey	g	5.76
Lysin	mg	732
Leucin	mg	925
Isoleucin	mg	561
Valin	mg	629

Arginin	mg	267
Histidin	mg	196
Phenylalanin	mg	314
Tyrosin	mg	202
Threonin	mg	486
Methionin	mg	180
Tryptophan	mg	741
Cystin	mg	138
Axit glutamic	mg	1760
Axit aspartic	mg	798
Glycin	mg	146
Alanin	mg	411
Prolin	mg	659
Serin	mg	493
ARA	mg	14.4
Chất xơ hòa tan	mg	1.92
HMO	mg	116
Lysin	mg	732
Nucleotit	mg	16
Sữa Non Colos 24h	mg	80
Lợi khuẩn <i>Lactococcus lactis</i>	Tế bào	23.0×10^9
Lợi khuẩn <i>L. fermentum</i> và <i>L. delbrueckii</i>	Tế bào	2.02×10^9

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ đến 12 tháng tuổi và nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/10 g	* KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	<i>Enterobacter sakazakii</i>	/10g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ đến 12 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5
3	Patulin	µg/kg	10

4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Lượng dùng khuyến nghị

Tuổi của trẻ	Lượng nước ấm	Số muỗng	Số lần ăn trên ngày
0 - 2 tuần	60	2	6 - 8
2 tuần - 2 tháng	120	4	5 - 7
2 tháng - 9 tháng	180	6	4 - 5
9 tháng - 12 tháng	240	8	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 4.7g **Metacare Opti 0+**

7. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 - 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
 - 4) Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng **Metacare Opti 0+** vào theo bảng hướng dẫn.
 - 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

8. Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi.

9. Công dụng

Metacare Opti 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi và hệ tiêu hóa của trẻ.

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn). Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Minh